

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-5-2022

Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Giáo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiến

2. Bà Trương Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 839/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 925/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Giả Thị T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn V, xã H, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Trần Quý N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu vực L, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Giả Thị T trình bày: Chị và anh Trần Quý N tự nguyện tổ chức cưới năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 29.11.2014. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng ở khu vực L, phường T, thị xã A. Khi cưới nhau, anh N làm thợ hồ, khoảng giữa năm 2015 anh N không đi làm nữa mà ở nhà ăn chơi. Chị nhiều lần khuyên anh N tu chí làm ăn nhưng anh N không nghe, vợ chồng thường xuyên cãi. Tháng 6/2018, chị về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh Trần Quý N nên yêu cầu ly hôn.

Vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Bảo T, sinh ngày 05/7/2014; Trần

Bảo C, sinh ngày 21/7/2016. Hiện nay, cháu Trần Bảo T đang ở với em ruột anh Trần Quý N (anh N đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh), cháu Trần Bảo C đang ở với chị. Chị yêu cầu được nuôi 02 con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.500.000đ/người.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Quý N đã được Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Trần Quý N cố tình không hợp tác, không đến Tòa cung cấp lời khai và tham gia tố tụng.

* Tại phiên tòa:

- Chị Giả Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, được nuôi hai người con chung và đề nghị mức cấp dưỡng cho hai con 4.000.000đ/tháng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên Tòa: Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị cho chị Giả Thị T được ly hôn anh Trần Quý N; giao cháu Trần Bảo T cho anh Trần Quý N, giao cháu Trần Bảo C cho chị Giả Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Giả Thị T và anh Trần Quý N không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung các đương sự không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Giả Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Quý N; bị đơn Trần Quý N có địa chỉ cư trú tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Quý N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Trần Quý N đã không hợp tác, không đến Tòa án để cung cấp lời khai. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa cũng đã được Tòa án tổng đạt theo đúng thủ tục tố tụng dân sự nhưng anh Trần Quý N vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Quý N.

[3] Chị Giả Thị T và anh Trần Quý N tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 29.11.2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã không còn sống chung từ tháng 6/2018 cho đến nay. Chị Giả Thị T xác định không còn tình cảm với anh Trần Quý N nên yêu cầu ly hôn. Tòa án đã nhiều lần mời anh Trần Quý N tham dự các phiên hòa giải để tìm cách hàn gắn hạnh phúc cho vợ chồng nhưng anh Trần Quý N không đến Tòa nên không thể tiến hành việc hòa giải được. Điều này chứng minh rằng anh Trần Quý N đã không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc. Xác minh mức độ mâu thuẫn thì được chị Trần Lệ T (em ruột của anh Trần Quý N) cung cấp: từ năm 2018 vợ chồng chị Thảo anh N đã không còn chung sống với nhau vì trong cuộc sống chung liên tục phát sinh mâu thuẫn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau... nhưng đã gần 4 năm nay anh Trần Quý N và chị Giả Thị T đã tự chấm dứt cuộc sống chung, không có trách nhiệm và nghĩa vụ gì với nhau. Điều này đã chứng tỏ mục đích hôn nhân giữa hai người đã không đạt được do đó yêu cầu được ly hôn của chị Giả Thị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Giả Thị T và anh Trần Quý N có 02 người con chung tên Trần Bảo T, sinh ngày 05/7/2014; Trần Bảo C, sinh ngày 21/7/2016. Hiện cháu Trần Bảo T đang sống anh Trần Quý N (anh N đi làm thợ nên nhờ em gái là Trần Thị Mỹ Hiền chăm sóc), cháu Trần Bảo C đang sống với chị Giả Thị T. Tòa án đã gặp cháu Trần Bảo T để tìm hiểu nguyện vọng của cháu. Cháu Trần Bảo T xác định từ khi cha mẹ không còn sống chung, cháu được ba trực tiếp nuôi dưỡng và mong muốn được tiếp tục sống với ba. Xét thấy yêu cầu của chị Giả Thị T được nuôi 02 con là không phù hợp, không đảm bảo sự ổn định về điều kiện, môi trường sống của cháu Trần Bảo T, không phù hợp với nguyện vọng của cháu nên không thể chấp nhận. Vì thế, giao cho anh Trần Quý N nuôi dưỡng cháu Trần Bảo T, chị Giả Thị T nuôi dưỡng cháu Trần Bảo C và không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Giả Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Giả Thị T được ly hôn với

anh Trần Quý N.

2/ Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao cho chị Giả Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Bảo C, sinh ngày 21/7/2016. Giao cho anh Trần Quý N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Bảo T, sinh ngày 05/7/2014. Chị Giả Thị T và anh Trần Quý N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Giả Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005104 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Chị Giả Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quý N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX An Nhơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Nhơn Hậu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Công Giáo